

- Trò chơi: Giáo viên gọi hai học sinh (hoặc nhiều hơn) lên bảng kèm theo mô hình đồng hồ cá nhân và yêu cầu, chẳng hạn: “Đặt đồng hồ chỉ 11 giờ rưỡi”,...
- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy.

5. HĐ sáng tạo: (1 phút)

- Giáo viên có thể vẽ mặt các đồng hồ được tô màu 1/4 hay 1/2 mặt đồng hồ để giúp học sinh thấy được kim phút quay được 1/4 vòng tròn (từ số 2 đến số 3) trong 15 phút; kim phút quay được 1/4 vòng tròn (từ số 12 đến số 6) trong 30 phút.
- Giáo viên nhận xét tiết học.
- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Sửa lại bài làm sai. Học thuộc bảng nhân từ 2 đến 5, bảng chia 2,3. Xem trước bài: *Thực hành xem đồng hồ.*

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TẬP VIẾT
CHỮ HOA V

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng chữ hoa V (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: *Vượt* (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), *Vượt suối băng rừng* (3 lần)

2. Kỹ năng: Hiểu nội dung câu ứng dụng: *Vượt suối băng rừng.*

3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác. Yêu thích luyện chữ đẹp.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Mẫu chữ (cỡ vừa), bảng phụ viết sẵn mẫu chữ, câu ứng dụng trên dòng kẻ (cỡ vừa và nhỏ)
- Học sinh: Vở Tập viết – Bảng con.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - TBVN bắt nhịp cho lớp hát. - Cho học sinh xem một số vở của những bạn viết đẹp giờ trước. Nhắc nhở lớp học tập các bạn - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp hát tập thể bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i> - Học sinh quan sát và lắng nghe. - Theo dõi

2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết: (10 phút)

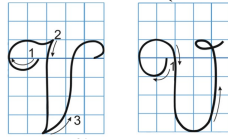
*Mục tiêu:

- Biết viết chữ hoa theo cỡ vừa và nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng.

*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp

Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét:

- Giáo viên treo chữ *V* hoa (đặt trong khung):



- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét:

+ Chữ *V* hoa cao mấy li?

+ Chữ hoa *V* gồm mấy nét? Đó là những nét nào?

Việc 2: Hướng dẫn viết:

- Nhắc lại cấu tạo nét chữ: Chữ hoa *V* gồm 3 nét: nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang; nét 2 là nét lượn dọc; nét 3 là nét móc xuôi phải.

- Nêu cách viết chữ:

+ Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét cong trái rồi lượn ngang, giống như nét 1 của các chữ H, I, K; dừng bút trên đường kẻ 6.

+ Nét 2: từ điểm dừng bút của nét 1, đổi chiều bút, viết nét lượn dọc từ trên xuống dưới, dừng bút ở đường kẻ 1.

+ Nét 3: từ điểm dừng bút của nét 2, đổi chiều bút, viết nét móc xuôi phải, dừng bút ở đường kẻ 5.

- Giáo viên viết mẫu chữ *V* cỡ vừa trên bảng lớp, hướng dẫn học sinh viết trên bảng con.

- Giáo viên nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.

Việc 3: Hướng dẫn viết câu ứng dụng

- Giáo viên giới thiệu câu ứng dụng.

- Gọi học sinh đọc câu ứng dụng.

Vượt suối băng rừng

- Giúp học sinh hiểu nghĩa câu ứng dụng.

- Hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét:

+ Các chữ *V*, *b* cao mấy li?

+ Con chữ *t* cao mấy li?

+ Con chữ *s*, *r* cao mấy li?

+ Những con chữ nào có độ cao bằng nhau và

- HS quan sát chữ mẫu.

+ Học sinh chia sẻ cặp đôi

-> Thống nhất trước lớp:

+ Cao 5 li.

+ Chữ hoa *V* gồm 3 nét: nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang; nét 2 là nét lượn dọc; nét 3 là nét móc xuôi phải.

- Học sinh lắng nghe.

- Lắng nghe.

- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ.

- Quan sát và thực hành.

- Lắng nghe.

- Quan sát.

- Học sinh đọc câu ứng dụng

- Lắng nghe

-> Dự kiến ND chia sẻ:

+ Cao 2 li rưỡi.

+ Cao 1 li rưỡi.

+ Cao hơn 1 li.

+ Các chữ *u*, *ơ*, *u*, *ô*, *i*, *ă*, *n* có

<p>cao mấy li? + Đặt dấu thanh ở những chữ cái nào?</p> <p>+ Khoảng cách giữa các chữ như thế nào?</p> <p>Giáo viên lưu ý học sinh cách nối chữ Vượt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên viết mẫu chữ Vượt (cỡ vừa và nhỏ). - Luyện viết bảng con chữ Vượt - Giáo viên theo dõi, uốn nắn. Lưu ý học sinh cách viết liền mạch. 	<p>độ cao bằng nhau và cao 1 li. + Dấu nặng đặt dưới con chữ ơ trong chữ Vượt, dấu xuôi đặt trên con chữ ô trong chữ suối, dấu huyền đặt trên con chữ ư trong chữ rừng.</p> <p>+ Khoảng cách giữa các chữ rộng bằng khoảng 1 con chữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe. - Quan sát. - Học sinh viết chữ Vượt trên bảng con. - Lắng nghe và thực hiện.
<p>3. HĐ thực hành viết trong vở: (15 phút) *Mục tiêu: Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết. *Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân</p>	
<p>Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu yêu cầu viết: + 1 dòng chữ V cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ. + 1 dòng chữ Vượt cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ. + 3 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ. - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. <p>Việc 2: Viết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh của giáo viên. - Theo dõi, giúp đỡ học sinh viết chậm. <p><i>Lưu ý theo dõi và giúp đỡ đối tượng M1</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, lắng nghe. - Lắng nghe và thực hiện. - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đánh giá một số bài. - HS nhắc lại quy trình viết chữ V - Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết tốt. - Trưng bày một số bài đẹp cho cả lớp lên tham khảo. - Yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ khi viết chữ V 	
<p>5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết chữ hoa “V”, và câu “Vượt suối băng rừng.” kiểu chữ sáng tạo. - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu học sinh về hoàn thành nốt bài viết và tự luyện viết thêm cho đẹp. Chuẩn bị bài: Ôn chữ hoa: X 	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIỮA HỌC KỲ II

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** HS biết cách xử lí và đóng vai 1 số tình huống đã học.
- 2. Kỹ năng:**
 - Rèn khả năng đóng vai theo các tình huống.
 - GDKNS: KN giải quyết vấn đề và KN đảm nhận trách nhiệm.
- 3. Thái độ:** Giáo dục HS có những hành vi đạo đức, chuẩn mực đạo đức phù hợp với lứa tuổi, đặc biệt hình thành kĩ năng hành vi đạo đức cho HS.
- 4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy, NL quan sát ,...

II. CHUẨN BỊ:

- 1. Đồ dùng dạy học:**
 - Giáo viên: Phiếu thảo luận, tình huống và đồ dùng cho học sinh sắm vai.
 - Học sinh: Vở bài tập Đạo đức.
- 2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:**
 - Phương pháp vấn đáp, động não, thảo luận nhóm, sắm vai
 - Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- Giáo viên cho HS nêu lại tên các bài đạo đức đã học từ đầu HK2- Nhận xét chung. Tuyên dương những học sinh ghi nhớ tốt tên các bài học- Giới thiệu bài mới, ghi tựa bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh nối tiếp nhau nêu- Lớp lắng nghe, bổ sung- Quan sát và lắng nghe.
2. HĐ thực hành sắm vai: (15 phút)	
*Mục tiêu: HS biết sắm vai, biết xử lý các tình huống theo kịch bản giáo viên chuẩn bị	
*Cách tiến hành: Nhóm – cả lớp	
<ul style="list-style-type: none">- Chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm suy nghĩ xây dựng kịch bản và đóng lại các tình huống sau :+ Em gọi điện hỏi thăm sức khỏe của bạn trong lớp bị ốm+ Một người gọi điện thoại nhầm đến nhà em+ Em gọi nhầm đến nhà người khác . *GV kết luận: trong tình huống nào các em cũng phải cư xử cho lịch sự .	<ul style="list-style-type: none">+ Các nhóm nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận xây dựng kịch bản cho tình huống và sắm vai diễn lại tình huống+ Nhận xét đánh giá cách xử lí từng tình huống xem đã lịch sự chưa thì xây dựng cách xử lí cho phù hợp .

3. HĐ Liên hệ thực tiễn: (12 phút)

***Mục tiêu:** HS biết thực hiện các hành vi đúng có nội dung liên quan đến các bài học

***Cách tiến hành:** Cặp đôi – cả lớp

- Yêu cầu hs kể về một vài trường hợp em đã biết hoặc không biết nói lời yêu cầu đề nghị .

- Yêu cầu mỗi HS kể lại một câu chuyện mà em suu tâm được hoặc của chính bản thân em về trả lại của rơi

* GV kết luận : Trong bất kì tình huống nào, các em cũng phải cư xử một cách lịch sự ,nói năng rõ ràng rành mạch .

+ Một số HS tự liên hệ các HS còn lại đưa ra nhận xét mà bạn đưa ra

+ Đại diện một số HS lên trình bày, các HS còn lại đưa ra nhận xét, đánh giá về hành vi của bạn

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2phút)

- TBHT điều hành trò chơi: *Gọi điện*

- Học sinh tham gia chơi: 1 em đóng vai người gọi điện, 1 em đóng vai người nhận điện thoại.

- Học sinh lắng nghe, nhận xét. Bình chọn cặp có cách đối đáp tốt nhất.

- Giáo viên tổng kết bài, giáo dục học sinh về cách giao tiếp khi nhận gọi điện cho người khác hoặc khi nhận điện thoại....

4. HĐ sáng tạo (1 phút)

- Cùng người thân thực hiện nghe, nhận điện thoại một cách lịch sự,...

- GV nhận xét chung

- Giáo viên nhận xét tiết học.

- Dặn học sinh về làm vở bài tập. Chuẩn bị bài: *Lịch sự khi đến nhà người khác.*

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 22 tháng 2 năm 2019

TẬP LÀM VĂN

ĐÁP LỜI ĐỒNG Ý.

QUAN SÁT TRANH TRẢ LỜI CÂU HỎI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết đáp lời đồng ý trong tình huống giao tiếp thông thường (BT1, BT2).
- Quan sát tranh về cảnh biển, trả lời đúng các câu hỏi về cảnh trong tranh (BT3)

2. Kỹ năng: Học sinh đáp được lời đồng ý, trả lời được câu hỏi khi quan sát tranh.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, câu hỏi gợi ý bài tập 3 trên bảng phụ. Tranh minh họa bài tập 3 (phóng to, nếu có thể)
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- TBHT điều hành trò chơi: Đóng vai:- Nội dung chơi: Gọi học sinh lên bảng đóng vai, thể hiện lại các tình huống trong bài tập 2, sách giáo khoa trang 58.- Nhận xét, tuyên dương học sinh.- Giới thiệu bài mới - ghi bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe.- Học sinh mở sách giáo khoa và vở bài tập
2. HĐ thực hành: (25 phút) *Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none">- Biết đáp lời đồng ý trong tình huống giao tiếp thông thường (BT1, BT2).- Quan sát tranh về cảnh biển, trả lời đúng các câu hỏi về cảnh trong tranh (BT3) *Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">+GV giao nhiệm vụ học tập cho HS+GV trợ giúp HS hạn chế+TBHT điều hành hoạt động chia sẻ Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp <ul style="list-style-type: none">- Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu.- Gọi học sinh đọc đoạn hội thoại. - Khi đến nhà Dũng, Hà nói gì với bố Dũng? - Lúc đó bố Dũng trả lời thế nào? - Đó là lời đồng ý hay không đồng ý?- Lời của bố Dũng là một lời khẳng định (đồng ý với ý kiến của Hà). Để đáp lại lời khẳng định của bố Dũng, Hà đã nói thế nào?- GV: khi được người khác cho phép hoặc đồng ý, chúng ta thường đáp lại bằng lời cảm ơn chân thành. Bài 2: Làm việc cặp đôi – Chia sẻ trước lớp <ul style="list-style-type: none">- Hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Yêu cầu 2 học sinh ngồi cạnh nhau, thảo luận	<ul style="list-style-type: none">+HS thực hiện nghiêm túc YC+HS chia sẻ, tương tác cùng bạn<i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i> - Học sinh đọc yêu cầu của bài.- 1 học sinh đọc bài lần 1. 2 học sinh phân vai đọc lại bài lần 2.- Hà nói: Cháu chào bác ạ. Cháu xin phép bác cho cháu gặp bạn Dũng.- Bố Dũng nói: Cháu vào nhà đi, Dũng đang học bài đấy.- Đó là lời đồng ý.- Một số học sinh nhắc lại: Cháu cảm ơn bác. Cháu xin phép bác ạ.- Học sinh nghe. - Bài tập yêu cầu chúng ta nói lời đáp cho các tình huống.- Thảo luận cặp đôi:

<p>cặp đôi để tìm lời đáp thích hợp cho từng tình huống của bài.</p> <p>- Yêu cầu một số cặp học sinh trình bày trước lớp.</p> <p>- Nhận xét và tuyên dương học sinh.</p> <p>Bài 3: Làm việc cả lớp</p> <p>- Treo tranh minh họa và hỏi: Bức tranh vẽ cảnh gì?</p> <p>- Yêu cầu học sinh quan sát tranh và trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ <i>Sóng biển như thế nào?</i></p> <p>+ <i>Trên mặt biển có những gì?</i></p> <p>+ <i>Trên bầu trời có những gì?</i></p> <p>- Giáo viên yêu cầu nhận xét sau mỗi lần học sinh trả lời.</p> <p>- Giáo viên nhận xét chung.</p>	<p>a) <i>Cảm ơn cậu. Tớ sẽ trả lại nó ngay sau khi dùng xong./ Cảm ơn cậu. Cậu tốt quá./ Tớ cảm ơn cậu nhiều./...</i></p> <p>b) <i>Cảm ơn em./ Em thảo quá./ Em tốt quá./ Em ngoan quá./...</i></p> <p>- Từng cặp học sinh trình bày trước lớp theo hình thức phân vai. Sau mỗi lần các bạn trình bày, cả lớp nhận xét và đưa ra phương án khác nếu có.</p> <p>- Bức tranh vẽ cảnh biển.</p> <p>- Nói tiếp nhau trả lời câu hỏi:</p> <p>+ <i>Sóng biển cuộn cuộn./ Sóng biển dập dờn./ Sóng biển nhấp nhô./ Sóng biển xanh rờn./ Sóng biển tung bọt trắng xóa./ Sóng biển dập dềnh./ Sóng biển nối đuôi nhau chạy vào bờ cát.</i></p> <p>+ <i>Trên mặt biển có tàu thuyền đang căng buồm ra khơi đánh cá./ Những con thuyền đang đánh cá ngoài khơi./ Thuyền dập dềnh trên sóng, hải âu bay lượn trên bầu trời./...</i></p> <p>+ <i>Mặt trời đang từ từ nhô lên trên nền trời xanh thẳm. Xa xa, từng đàn hải âu bay về phía chân trời.</i></p> <p>- Học sinh nhận xét.</p>
<p>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <p>- Đánh giá chung kết quả làm bài của học sinh.</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học.</p> <p>- Giáo viên giáo dục học sinh: Khi được người khác cho phép hoặc đồng ý, chúng ta thường đáp lại bằng lời cảm ơn chân thành.</p>	
<p>4.HĐ sáng tạo: (2 phút)</p> <p>- Viết một đoạn văn ngắn khoảng 9 đến 10 câu tả về cảnh biển mà em yêu thích.</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học.</p> <p>- Về nhà chuẩn bị bài sau: Đáp lời đồng ý. Tả ngắn về biển</p>	

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TOÁN

TIẾT 120: THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, số 6.
- Nhận biết các khoảng thời gian 15 phút, 30 phút.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho học sinh kỹ năng xem đồng hồ.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

* Bài tập cần làm: bài tập 1,2,3.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa. Mô hình đồng hồ.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, TC học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
- TBHT điều hành trò chơi: Bạn ơi, tôi mấy giờ? + Nội dung chơi: TBHT quay kim đồng hồ để học sinh xem đồng hồ. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: Thực hành xem đồng hồ.	- Học sinh tham gia chơi. + - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
2. HĐ thực hành: (25 phút) *Mục tiêu: - Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, số 6. - Nhận biết các khoảng thời gian 15 phút, 30 phút. *Cách tiến hành:	
+GV giao nhiệm vụ học tập cho HS	+HS thực hiện nghiêm túc YC

+GV trợ giúp HS hạn chế

+TBHT điều hành hoạt động chia sẻ

Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp

- Yêu cầu học sinh quan sát từng đồng hồ và đọc giờ. (Giáo viên có thể sử dụng mô hình đồng hồ để quay kim đến các vị trí như trong bài tập hoặc ngoài bài tập và yêu cầu học sinh đọc giờ.)

- Giáo viên nhận xét chung.

=> GV kết luận: *Khi xem giờ trên đồng hồ, nếu thấy kim phút chỉ vào số 3, em đọc là 15 phút; nếu kim phút chỉ vào số 6, em đọc là 30 phút*

Bài 2: Làm việc cặp đôi – Chia sẻ trước lớp

- Trước hết học sinh phải đọc và hiểu các hoạt động và thời điểm diễn ra các hoạt động. Ví dụ:

+ Hoạt động: “Tưới rau”

+ Thời điểm: “ 5 giờ 30 phút chiều”

- Đối chiếu với các mặt đồng hồ, từ đó lựa chọn tranh vẽ mặt đồng hồ thích hợp với hoạt động.

- Trả lời câu hỏi của bài toán.

- Lưu ý: Với các thời điểm “7 giờ tối”, và “16 giờ 30 phút” cần chuyển đổi thành 19 giờ và 4 giờ 30 chiều”

- Giáo viên đánh giá chung.

Bài 3: TC Trò chơi: Ai nhanh hơn?

- Giáo viên chia lớp thành các đội, phát cho mỗi đội 1 mô hình đồng hồ và hướng dẫn cách chơi: Khi giáo viên hô một giờ nào đó, các em đang cầm mặt đồng hồ của các đội phải lập tức quay kim đồng hồ đến vị trí đó. Em nào quay xong cuối cùng hoặc quay sai sẽ bị loại. Sau mỗi lần quay, các đội lại cho bạn khác lên thay. Hết thời gian chơi, đội nào còn nhiều thành viên nhất là đội thắng cuộc.

- Tổng kết trò chơi và tuyên dương nhóm thắng cuộc.

Lưu ý giúp đỡ để đối tượng MI hoàn thành bài tập

+HS chia sẻ, tương tác cùng bạn

**Dự kiến ND chia sẻ:*

- Học sinh xem tranh vẽ rồi đọc giờ trên mặt đồng hồ:

A. 4giờ 15 phút

B. 1giờ 30 phút

C. 9giờ 15 phút

D. 8giờ 30 phút.

- Học sinh lắng nghe.

- 2 học sinh ngồi cạnh nhau làm bài theo cặp, một em đọc từng câu cho em kia tìm đồng hồ. Sau đó 1 số cặp trình bày trước lớp.

a - A; b - D; c - B; d - E;

e - C; g - G

- Thi quay kim đồng hồ theo hiệu lệnh của giáo viên.

- Học sinh thực hiện chơi.

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)

- Giáo viên nhắc lại nội dung tiết học.

- Yêu cầu học sinh nhắc lại cách đọc giờ khi kim phút chỉ vào số 3 và số 6.

- Yêu cầu học sinh nhắc lại cách xem đồng hồ vào các thời điểm sáng, chiều, tối.

- Gv chốt KT bài học

- Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực.

4. HĐ sáng tạo: (1 phút)

- Điền vào chỗ chấm:

a. Mẹ em đi làm ca chiều bắt đầu từ 14 giờ hayđến 22 giờ hay.....

b. Hằng ngày em thường đi ngủ lúc 9 giờ rưỡi hay

- Dẫn học sinh về xem lại bài học trên lớp, tiếp tục thực hành xem đồng hồ. Xem trước bài: **Luyện tập**

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....
.....
.....

CHÍNH TẢ: (NGHE VIẾT)

BÉ NHÌN BIÊN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nghe - viết chính xác bài chính tả, trình bày đúng 3 khổ thơ 5 chữ.
- Làm được bài tập 2a.

2. Kỹ năng: Giúp học sinh rèn quy tắc chính tả **ch/tr**.

3. Thái độ: Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ Việt.

(Giáo viên nhắc học sinh đọc bài thơ ... (Sách giáo khoa) trước khi viết bài chính tả.)

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh vẽ minh họa bài thơ (nếu có). Bảng phụ ghi các quy tắc chính tả.

- Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con, vở bài tập, đồ dùng học tập đầy đủ.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

II. Các HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
- TBVN bắt nhịp cho lớp hát tập thể	- Học sinh hát bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i>
- Nhận xét bài làm của học sinh, khen những em tuần trước viết bài tốt.	- Lắng nghe.
- Giới thiệu bài - Ghi đầu bài lên bảng.	- Mở sách giáo khoa.
2. HĐ chuẩn bị viết chính tả. (5 phút)	
*Mục tiêu:	
- Học sinh có tâm thế tốt để viết bài.	